TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-PT
Ngày 11 - 01 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Ký;

Ông Trần Nam Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 17-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 254/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; địa chỉ: Số A, đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền số: 01/UQ-VCB-P.KHBL ngày 06-6-2023): Ông Nguyễn Thanh Đức T, chức vụ:

Trưởng phòng Phòng Khách hàng bán lẻ thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh N1; địa chỉ: Đường N, ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh năm 1980;

2. Ông Nguyễn Nhất D2, sinh năm 1981;

Cùng cư trú tại: Tổ D, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (*theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/9/2023):* Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp C, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1; cư trú tại: Số B, đường H, Phường H, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Nhất D2 và bà Nguyễn Thị Ngọc D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (sau đây, viết tắt là Ngân hàng V2) có yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 với Ngân hàng V2 - Chi nhánh N1 có ký kết Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 20181043/KHBL ngày 03/12/2018, với các nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng).

- Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền mua đất.

- Thời hạn vay: 120 tháng.

- Lãi suất cho vay trong hạn: 11%/năm, được điều chỉnh hàng quý vào ngày đầu tiên của tháng đầu quý.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Trả nợ gốc: Ngày 26 hàng tháng. Trả nợ lãi: Ngày 26 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2018823/HĐTC.BL ngày 21/12/2018 và Thỏa thuận sửa đổi hợp đồng thế chấp số: SĐ01-2018823/HĐTC.BL ngày 22/9/2020.

- Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CN288309 *(sau đây, viết tắt là giấy chứng nhận)*, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 20/4/2018 cho ông Ngô Văn B, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS04651, thửa đất số 98, tờ bản đồ số 22, diện tích 953 m^2 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, loại đất cây lâu năm, hình thức sử dụng riêng, thời hạn sử dụng đến 31/01/2052; nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất. Ngày 20/12/2018, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh N1 cập nhật thay đổi chủ sử dụng đất trên giấy chứng nhận, sang ông Nguyễn Nhất D2 và bà Nguyễn Thị Ngọc D1

- Tại thỏa thuận sửa đổi hợp đồng thế chấp (sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 2018823/HĐTC.BL ngày 21/12/2018) số: SĐ01-2018823/HĐTC.BL ngày 22/9/2020, thể hiện: Tài sản thế chấp này đồng thời thế chấp cho khoản vay của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N2.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng V2 - Chi nhánh N1 đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 nhận đủ số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) ngày 12/12/2018, theo Giấy nhận nợ số: 01, kèm theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 20181043/KHBL ngày 03/12/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 đã ngừng thanh toán lãi và gốc cho Ngân hàng VCB từ 11/8/2022 cho đến nay. Ngân hàng V2 đã nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu nhưng bà D1 và ông D2 vẫn không hoàn trả gốc và lãi cho Ngân hàng V2 theo đúng quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng V2 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 17/4/2023, cụ thể gồm:

- Tiền gốc: 2.566.281.207 đồng;

- Nợ lãi: 203.030.243 đồng; tiền lãi của nợ gốc bị quá hạn là 4.965.329 đồng;

- Tổng cộng số tiền bà D1 và ông D2 phải thanh toán đến ngày 17/4/2023 là 2.774.276.779 đồng.

- Bà D1 và ông D2 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 20181043/KHBL ngày 03/12/2018, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra Bản án/quyết định cho đến ngày thực tế bà D1, ông D2 trả hết nợ gốc cho Ngân hàng V2.

- Trường hợp bà D1 và ông D2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V2 được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm của bà D1 và ông D2 tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2018823/H ĐTC.BL ngày 21/12/2018 và Thỏa thuận sửa đổi hợp đồng thế chấp số: SĐ01-2018823/H ĐTC.BL ngày 22/9/2020.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 trình bày:

Ngày 03/12/2018, ông D2 và bà D1 có ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 20181043/KHBL với Ngân hàng V2 - Chi nhánh N1, để vay số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng).

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông D2 và bà D1 có thế chấp cho Ngân hàng V2 01 quyền sử dụng đất tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2018823/HĐTC.BL ngày 21/12/2018, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số: SĐ01-2018823/HĐTC.BL ngày 22/9/2020.

Ông D2 và bà D1 thừa nhận số tiền nợ gốc còn thiếu Ngân hàng V2 là 2.566.281.207 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/8/2022 cho đến nay. Do kinh tế gặp nhiều khó khăn, nên ông D2 và bà D1 không trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng VCB theo quy định trong hợp đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V2 thì ông D2 và bà D1 đồng ý trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng V2 theo yêu cầu khởi kiện; tuy nhiên, do khó khăn về kinh tế nên ông D2 và bà D1 xin thêm thời gian, để sắp xếp trả nợ, không đồng ý hòa giải thành tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Thị T1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

3.1. Về nội dung:

- Việc tính lãi không cụ thể, không có căn cứ: Tại thời điểm xét xử nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Thông báo về việc chuyển nợ quá hạn số 03.2023/TB/KHBL ký ngày 17/4/2023 cũng là ngày xét xử với số tiền là 2.774.276.779 đồng; trong đó, nợ gốc là 2.566.281.207 đồng; nợ lãi 203.030.243 đồng; Nợ lãi quá hạn là 4.965.329 đồng. Đây cũng là số tiền mà Tòa án buộc ông

D2 và bà D1 phải trả cho nguyên đơn. Tại hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận lãi suất được điều chỉnh từng quý. Nguyên đơn không cung cấp căn cứ để tính lãi, mức lãi suất áp dụng là bao nhiêu % để tính được số tiền lãi 203.030.243 đồng và nợ lãi quá hạn với số tiền 4.965.329 đồng. Việc Tòa án chấp nhận số tiền lãi của nguyên đơn như trong thông báo ngày 17/04/2023 là không có căn cứ.

- Chấp nhận lãi phạt không có căn cứ pháp luật: Căn cứ Giấy nhận nợ số 01 ngày 12/12/2018 (bút lục 24) lãi suất đối với lãi chậm trả là 0%/năm. Căn cứ khoản 11.3 Điều 11 của Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 20181043/KHBL ngày 03/12/2018 (bút lục 25 đến 30) các bên thỏa thuận không phạt vi phạm đối với trường hợp khách hàng không trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng hạn. Do đó, Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn tính lãi phạt đối với ông D2 và bà D1 là trái với thỏa thuận của các bên.

3.2. Về tố tụng:

- Tòa án giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện: Trong toàn bộ hồ sơ vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn tồn tại 02 hợp đồng là hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Đây là giao dịch tín dụng có tài sản bảo đảm. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản được các bên thỏa thuận quy định tại Điều 4 (bút lục 14 - 21); do đó, khi bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì nguyên đơn phải có thông báo yêu cầu bị đơn giao tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ. Trường hợp bị đơn không giao tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ thì phía nguyên đơn mới được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, phát mãi tài sản của bị đơn để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng. Giữa nguyên đơn và bị đơn không tranh chấp về tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tự mình giải quyết và cho phép nguyên đơn được phát mãi tài sản của bị đơn là trái với thỏa thuận của các bên, trái với quy định pháp luật, vượt quá phạm vi xét xử. Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Tòa án sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng là bà Nguyễn Thị Thùy A và Công ty Trách nhiệm hữu hạN2 (TNHH) Năng lượng Tái tạo Sen V1. Trong toàn bộ hồ sơ vụ án, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc ông Nguyễn Xuân C hủy bỏ/chấm dứt việc ủy quyền với bà Nguyễn Thị Thùy A. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Thùy A vào tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền. Điều này được thể hiện rõ tại Bản án sơ thẩm không có tên bà Thùy A. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được bảo đảm cho 02 khoản vay của ông D2 - bà D1 và của Công ty TNHH N2 Vàng. Tòa án cấp sơ thẩm bỏ

sót người tham gia tố tụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty TNHH N2 Vàng.

- Ngân hàng V2 - Chi nhánh N1 không có tư cách khởi kiện; ông Nguyễn Xuân C; bà Nguyễn Thị Thùy A và ông Lê Quang A1 không có tư cách tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Căn cứ vào Giấy ủy quyền số: 471/UQ-VCB-PC ngày 14/10/2021 của ông Phạm Quang D ủy quyền cho cá nhân ông Nguyễn Xuân C. Nội dung ủy quyền không ủy quyền về việc khởi kiện, không ủy quyền về việc ký tên trong đơn khởi kiện, không ủy quyền nộp đơn khởi kiện, không ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân C tham gia tố tụng để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Điều 311, điểm g khoản 1 Điều 217, điểm a khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch và đình chỉ giải quyết vụ án do người khởi kiện không có quyền khởi kiện.

4. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 17-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng VCB đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V2 tổng số tiền lãi và gốc tính đến ngày 17/4/2023 là: 2.774.276.779 đồng (hai tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng); trong đó: Tiền nợ gốc là 2.566.281.207 đồng (hai tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm linh bảy đồng); tiền nợ lãi: 203.030.243 đồng (hai trăm linh ba triệu không trăm ba mươi triệu hai trăm bốn mươi ba đồng) và tiền lãi của nợ gốc bị quá hạn là 4. 965.329 đồng (bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm, nghĩa vụ khi thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

5. Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc hủy bản án sơ thẩm.

6. Phần phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định về việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6.2. Quan điểm đối với kháng cáo:

Kiểm sát viên đã phát biểu, đánh giá về vụ án; kết luận cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục ủy quyền của nguyên đơn:

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, nguyên đơn có sự thay đổi về người được ủy quyền nhưng không cung cấp kịp thời cho Tòa án cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa ngày 18-12-2023, Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa, để nguyên đơn cung cấp bổ sung.

Tại phiên tòa hôm nay, sau khi xem xét các tài liệu bổ sung, xét thấy đã đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia phiên tòa.

[2] Về kháng cáo:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn, thế chấp tài sản, quá trình thực hiện hợp đồng và tranh tụng tại phiên tòa; việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới; nguyên đơn không đồng ý gia hạn thời gian trả nợ; do đó, không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, phần nợ lãi Tòa án cấp sơ thẩm xác định chưa chính xác, cụ thể tính đến ngày 16/4/2023 là 266.111.207 đồng, bản án sơ thẩm chỉ ghi nhận 203.030.243 đồng là thiệt thòi cho nguyên đơn. Vấn đề này, nguyên đơn không kháng cáo nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; người kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Nhận định đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

- Về việc tính nợ gốc, lãi và lãi quá hạn được nguyên đơn diễn giải chi tiết tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa; vấn đề này, tại cấp sơ thẩm, chính bị đơn cũng thừa nhận là đúng.

- Về việc Tòa án cho phép phát mãi tài sản nếu bị đơn không thanh toán nợ là phù hợp; đồng thời, trong quá trình thi hành án các bên có quyền thỏa thuận theo pháp luật về thi hành án dân sự.

- Về việc ủy quyền thường xuyên khởi kiện nguyên đơn đã cung cấp Giấy ủy quyền số: 472/UQ-VCB-PC ngày 14/10/2021. Việc chấm dứt ủy quyền đối với bà Nguyễn Thị Thùy A nguyên đơn đã cung cấp văn bản tại phiên tòa phúc thẩm; tuy nhiên, việc này cũng không cần thiết; bởi lẽ, theo Văn bản số: 336/UQ-VCB-PC ngày 01-6-2023 thì người đã ủy quyền cho bà Thùy A đã chuyển công tác, nên việc ủy quyền cho bà Thùy A đương nhiên hết hiệu lực.

- Công ty TNHH N2 cũng do ông D2 (bị đơn) là người đại diện theo pháp luật. Việc một tài sản đảm bảo cho nhiều khoản vay là điều bình thường. Quan hệ tín dụng và thế chấp thửa đất trên giữa Ngân hàng VCB với Công ty TNHH N2 đã được Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch giải quyết tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2023/KDTM-ST ngày 18-5-2023; hiện nay, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai cũng đang thụ lý phúc thẩm số: 19/2023/TLPT-KDTM ngày 16/11/2023; vì vậy, không ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty TNHH N2 trong vụ án này.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[5] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Nhất D2 và bà Nguyễn Thị Ngọc D1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 17-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Áp dụng: Các Điều 116, 117, 119, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 401, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; quy định về án phí nêu trên (mục [3]).

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (Ngân hàng V2) đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" (Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 20181043/KHBL ngày 03/12/2018);

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V2 tổng số tiền lãi và gốc tính đến ngày 17/4/2023 là: 2.774.276.779 đồng (hai tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng); trong đó: Tiền nợ gốc là 2.566.281.207 đồng (hai tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm linh bảy đồng); tiền nợ lãi: 203.030.243 đồng (hai trăm linh ba triệu không trăm ba mươi triệu hai trăm bốn mươi ba đồng) và tiền lãi của nợ gốc bị quá hạn là 4.965.329 đồng (bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

2. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ và thi hành án:

Kể từ ngày 18/4/2023, bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ, thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Ngọc D1

và ông Nguyễn Nhất D2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V2 cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 không trả số nợ trên, Ngân hàng V2 được quyền yêu cầu yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2018823/HĐTC.BL ngày 21/12/2018 và Thỏa thuận sửa đổi hợp đồng thế chấp (sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 2018823/HĐTC.BL ngày 21/12/2018) số: SĐ01-2018823/HĐTC.BL ngày 22/9/2020.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2018).

3. Án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 phải nộp số tiền 87.485.535 đồng (tám mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng).

- Hoàn trả lại Ngân hàng V2 số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai T2 tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008683 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Người kháng cáo bà Nguyễn Thị Ngọc D1 và ông Nguyễn Nhất D2 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai T2 tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001501 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch;
- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự và Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành